

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-PT
Ngày 28 tháng 7 năm 2021
V/v “*Tranh chấp thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tuấn Anh;

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLPT-HNGĐ ngày 11/6/2021 về “*Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2021/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Công Đ, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày: Bản án hôn nhân và gia đình của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh quyết định giao con chung là Đặng Công T, sinh năm 1979 (không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi bản thân) cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, ông Đặng Công Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay bà không có khả năng lao động, già yếu, bệnh tật, bị động kinh lớn và bướu cổ nên không thể nuôi anh T.

Mặt khác, ông Đ cũng không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên bà làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là anh Đặng Công T, sinh năm 1979 đang bị tâm thần phân liệt (bị tâm thần nặng) và bà yêu cầu miễn phần cấp dưỡng nuôi con cho bà. Ngoài ra, bà N không trình bày gì thêm.

Bị đơn là ông Đặng Công Đ trình bày: Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số: 11/2019/HNGĐ-PT ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh quyết định giao cho bà Lê Thị N tiếp tục nuôi dưỡng anh Đặng Công T và ông phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay ông đang phải nuôi cháu Đặng Gia H, sinh ngày 08/3/2011 (con riêng của ông) tại xóm 3 thôn C, xã T. Hiện ông đang làm bảo vệ theo ca tại Công ty Thành Phong địa chỉ đường 15, khu công nghiệp Vsip Đại Đồng với mức lương khoảng 4.500.000 đồng/tháng. Do ông đã quá tuổi lao động, không có hợp đồng, nên không thể cung cấp bằng lương cho Tòa án; ngoài ra, ông không còn thu nhập và tài sản nào khác, bản thân ông cũng già yếu, nuôi con nhỏ.

Về chỗ ở, hiện ông đang ở nhà 02 tầng cùng cháu Gia H đối diện chỗ ở của bà N và anh T. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông vẫn chưa cấp dưỡng được cho anh T, nhưng ông vẫn chăm sóc anh T hàng ngày, ban ngày anh T ăn cơm cùng bà N, đến tối anh T lại sang ngủ cùng ông. Để tránh việc đùn đẩy trách nhiệm và ổn định cuộc sống cho các bên, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, ông không có ý kiến gì.

Từ những nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 203, 220, 227, 228, 233, 235, 254, 264, 266, 267, 269 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Xử: Bác yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của bà Lê Thị N.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn bà Lê Thị N kháng cáo Bản án sơ thẩm, bà đề nghị cấp phúc thẩm giao con chung là anh Đặng Công T cho ông Đặng Công Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá

trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị N, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm. Miễn án phí phúc thẩm cho bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Lê Thị N trong thời hạn luật định, nên được cấp phúc thẩm xem xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị N đề nghị cấp phúc thẩm giao con chung là anh Đặng Công T cho ông Đặng Công Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại địa phương thì hiện nay cả ông Đ và bà N đều tuổi đã cao, sức yếu. Ông Đ và bà N đã ly hôn nhưng sống đối diện nhau. Mặc dù bà N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng anh T, nhưng ban ngày anh T ăn cơm cùng bà N, đến tối lại ngủ cùng ông Đ. Tuy chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do hoàn cảnh khó khăn, nhưng ông Đ vẫn quan tâm chăm sóc anh T.

Bà N cho rằng mình bị bệnh phải đi điều trị bệnh, cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại Trung tâm y tế huyện T và Bệnh viện sức khỏe, tâm thần tỉnh Bắc Ninh theo tài liệu bà N cung cấp. Kết quả xác minh cho thấy, Trung tâm y tế huyện T và Bệnh viện sức khỏe, tâm thần tỉnh Bắc Ninh đều không tiếp nhận bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh có tên, địa chỉ là Lê Thị N đến điều trị. Ngoài ra, bà N cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh theo yêu cầu của Tòa án. Ngoài lý do mình bị bệnh, sức khỏe yếu, bà N còn lấy lý do ông Đ không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi anh T để yêu cầu thay đổi nuôi con. Xét thấy, lý do này của bà N đưa ra cũng là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, nếu ông Đ có điều kiện thi hành án mà không tự giác thi hành án, thì bà N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế buộc ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định của Tòa án.

Xét về kinh tế và tuổi tác thì cả ông Đ và bà N đều thuộc hoàn cảnh khó khăn, tuổi cao. Ông Đ tự khai thu nhập hàng tháng của ông là 4.500.000 đồng, nhưng ông còn phải chăm sóc con riêng, chưa đến tuổi lao động. Mặt khác, tuy ông Đ không phải là người trực tiếp nuôi anh T, nhưng ông vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc anh T. Để tránh việc xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của các bên và đảm bảo quyền lợi cho anh T. Bản án sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của bà Lê Thị N là có căn cứ.

Kháng cáo của bà N không có cơ sở để chấp nhận, quyết định của Bản án sơ thẩm cần được giữ nguyên.

[3] Về án phí phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N đề nghị được miễn án phí phúc thẩm. Xét thấy, bà N là người cao tuổi, do vậy cần miễn án phí cho bà N theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N, giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm số: 15/2021/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 148, 203, 220, 227, 228, 233, 235, 254, 264, 266, 267, 269 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Bác yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của bà Lê Thị N.

2. Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị N. Xác nhận bà N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số: AA/2019/0002596 ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Bà N được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp